

Bản án số: **68/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 16/9/2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Châu Văn Khỏe.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Khổng Thị Thuy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **13/2024/TLST-HNGĐ**, ngày 12 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **21/2024/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 13 tháng 8 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: **12/2024/QĐST-HNGĐ**, ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa.

1. Nguyên đơn: Anh Châu Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nông Quỳnh T1, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Châu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Quỳnh T1 tự do tìm hiểu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn N, huyện N vào ngày 14/9/2007. Vợ chồng anh sống hạnh phúc từ năm 2007 đến năm 2016. Do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị T1 đòi đi làm công ty để kiếm tiền lo cho gia đình và nuôi các con ăn học, anh không nhất trí để vợ đi làm công ty nhưng chị T1 vẫn nhất quyết đi làm, còn làm ở đâu, làm gì không nói cho anh biết, để mặc một mình anh phải chăm lo nuôi dạy các con. Năm 2018 và năm 2019 chị T1 có về nhà vài lần, về được hôm trước hôm sau lại đi làm. Năm 2020 cho đến khi anh làm đơn chị T1 không một lần nào về thăm gia đình, không gửi tiền về cho anh để trang trải cuộc sống, nuôi các con ăn học cũng như phụng dưỡng bố, mẹ anh. Đến năm 2021 bỏ để anh qua đời chị T1 cũng không về lo hậu sự cho bố anh, vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung tên các cháu là Châu Ngọc D, sinh ngày: 29/7/2007; Châu Ngọc Á, sinh ngày: 29/7/2007 và Châu Ngọc Đ, sinh ngày: 24/10/2008. Hiện các cháu đang học Trung học phổ thông tại thành phố T, khi ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, anh không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình Tòa án giải quyết anh và chị T1 đã thống nhất với nhau khi các cháu được nghỉ hè sẽ đưa các cháu đến Tòa án để viết bản tự khai. Ngày 04/7/2024 các cháu D, Á đã đến Tòa án để viết bản tự khai, còn đối với Đ, anh chỉ xác định được hiện nay đang cư trú cùng với chị T1 còn cư trú tại đâu anh không biết vì cháu Đ cũng như chị T1 không cung cấp địa chỉ cho anh biết.

Trên cơ sở tôn trọng nguyện vọng của các con, tại phiên tòa anh rút yêu cầu về việc giao các con cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh nhất trí nhường quyền trực tiếp nuôi cả 03 con cho chị T1, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 21/3/2024 chị Nông Quỳnh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T là vợ chồng có kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Sau khi kết hôn anh, chị cư trú tại tổ dân phố G, thị trấn N, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi, chửi nhau, nguyên nhân do không hiểu nhau. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc tới nhau nữa, việc anh T làm đơn ly hôn chị hoàn toàn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung như anh T trình bày là đúng, hiện các cháu đang học Trung học phổ thông tại thành phố T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng tính theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu cả 03 con có nguyện vọng ở với anh T thì chị cũng đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định không có.

Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cũng như tiến hành xác minh tại tổ dân phố G, thị trấn N, xác minh tại Công an thị trấn N, huyện N. Các cháu Châu Ngọc Á, Châu Ngọc D có viết bản tự khai. Đối với cháu Châu Ngọc Đ không thể xác định được cháu đang cư trú ở đâu để tiến hành lấy lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử (HĐXX) vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82; 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình (viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết **326/2016/UBTVQH14** quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu Văn T.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Châu Văn T được ly hôn chị Nông Quỳnh T1.

Về con chung: Giao các cháu Châu Ngọc D, sinh ngày: 29/7/2007; Châu Ngọc Á, sinh ngày: 29/7/2007 và Châu Ngọc Đ, sinh ngày: 24/10/2008 cho chị Nông Quỳnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra đề nghị buộc anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Quỳnh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố G, thị trấn N, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho các đương sự và thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng khác. Chị T1 đã không có mặt theo các thông báo của Tòa án để tiến hành hòa giải, anh T đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đây là các trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Việc chị T1 vắng mặt 02 lần không có lý do, không thông báo cho Tòa án biết. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu Văn T và chị Nông Quỳnh T1 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tại các bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các đương sự đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng có cãi chửi nhau, thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, anh T chị T1 đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

HĐXX xét thấy: Lời trình bày của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, xác định anh T và chị T1 có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác định có 03 con chung tên các cháu là Châu Ngọc D, sinh ngày: 29/7/2007; Châu Ngọc Á, sinh ngày: 29/7/2007 và cháu Châu Ngọc Đ, sinh ngày: 24/10/2008. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của anh T, chị T1 cũng như nguyện vọng của các cháu. HĐXX xét thấy cần giao các cháu D, Á, Đ cho chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị T1 có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa anh T đồng ý với ý kiến của chị T1 sẽ cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng. Tuy nhiên thời gian tính cấp dưỡng anh không đồng ý với ý kiến của chị T1 đã trình bày trước đây là tính từ tháng 3/2024 mà chỉ đồng ý cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con đủ 18 (mười tám) tuổi. Bởi vì thực tế hàng tháng, từ tháng 3/2024 cho đến tháng 7/2024 anh vẫn gửi tiền cho các con ăn, học.

HĐXX xét thấy việc chị T1 vắng mặt tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, gây cản trở trong xác định thời gian tính cấp dưỡng theo yêu cầu của các đương sự. Việc anh T chỉ đồng ý thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con đủ 18 (mười tám) tuổi là hoàn toàn phù hợp, đúng với thực tế công việc của anh T đang làm là nghề thợ xây có mức thu nhập chỉ 250.000đ/ngày (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nếu tính thời gian đi làm cả một tháng thu nhập của anh T cũng chỉ được 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), ngoài việc phải cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.000.000/tháng/cháu (một triệu đồng) anh T còn chi tiêu cho bản thân cũng như phải nuôi dưỡng mẹ già. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của anh T việc tính thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu D, Á, Đ đủ 18 (mười tám) tuổi là hợp tình, hợp lý.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Châu Văn T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết **326/2016/UBTVQH** 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu Văn T.**

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Châu Văn T được ly hôn chị Nông Quỳnh T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 42, quyền số: 01/2007, ngày 14/9/2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

Về con chung: Giao các cháu Châu Ngọc D, sinh ngày: 29/7/2007; Châu Ngọc Á, sinh ngày: 29/7/2007 và cháu Châu Ngọc Đ, sinh ngày: 24/10/2008 cho chị Nông Quỳnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Châu Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2. Về án phí: Anh Châu Văn T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0000825 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).**

**3. Về quyền kháng cáo:** Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2024). Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi Cục THADS huyện Na Hang;
- UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trường Giang**